

Tuần 1- tiết 1,2

**KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ
CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỶ XX**

A.NỘI DUNG BÀI HỌC:

I.Khái quát văn học Việt Nam từ cách mạng tháng tám năm 1945 đến năm 1975.

1.Vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa

-Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã chấm dứt vĩnh viễn chế độ thực dân – phong kiến, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Một nền văn học hoàn toàn mới được khai sinh từ đó.

-Vừa giành được độc lập, dân tộc ta tiếp tục phải tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp suốt 9 năm (1946 – 1954) để bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc.Tất cả tạo nên một nền văn học thống nhất về tổ chức và quan niệm nhà văn kiểu mới: *Nhà văn – chiến sĩ*

-Năm 1954 hoà bình lập lại, đất nước lại bị chia cắt làm hai miền: miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam chịu sự chiếm đóng của đế quốc Mỹ và tay sai. Phải 21 năm sau, trải qua cuộc kháng chiến chống Mỹ khốc liệt và thần thánh, ngày 30 tháng 4 năm 1945 đất nước ta mới được thống nhất trọn vẹn.

→Nhu vậy, văn học từ năm 1945 đến năm 1975 phát triển trong điều kiện hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ kéo dài ác liệt suốt 30 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2.Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu:

a.Chặng đường từ 1945 đến 1954:

❖Văn xuôi:

- Truyện ký là thể cơ động, linh hoạt mở đầu cho văn xuôi chống Pháp, Kí “*Một lần tới thủ đô*”, “*Một cuộc chuẩn bị*” (Trần Đăng). Truyện ngắn “*Đôi mắt*” , “*Nhật ký ở rừng*” (Nam Cao) .

- Từ năm 1950 – 1954: văn xuôi có bước phát triển mới về đề tài, dung lượng phản ánh, thể loại: “*Vùng mỏ*” (Võ Huy Tâm), “*Xung kích*” (Nguyễn Đình Thi), “*Kí sự Cao Lạng*” (Nguyễn Huy Tưởng), Truyện “*Tây Bắc*” (Tô Hoài)....

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

- **Nội dung chủ yếu:** phản ánh chân thực, nhiều mặt của cuộc sống kháng chiến, nổi bật lên những con người nhiệt tình cách mạng, từ trong đói khổ quyết tâm đi theo kháng chiến.

❖ **Thơ ca có nhiều thành tựu đáng kể:**

Thơ kháng chiến của Hồ Chí Minh, “*Tây Tiến*” (Quang Dũng), “*Bên kia Sông Đuống*” (Hoàng Cầm), “*Việt Bắc*” (Tố Hữu).....

- **Nội dung:** Thơ ca kháng chiến thể hiện lòng yêu nước và căm thù giặc sâu sắc, thể hiện đậm nét hình ảnh nhân dân kháng chiến, tình cảm kháng chiến trong sáng.

- **Nghệ thuật:** hướng về khai thác nhiều thể thơ dân tộc quen thuộc.

❖ **Kịch:**

- Xuất hiện một số vở kịch nhỏ tạo hình thức sinh hoạt văn hoá vui tươi, lành mạnh giàu tính đại chúng.

b.Chặng đường 1955 - 1964:

- Nội dung bao trùm: Hình ảnh người lao động; những đổi thay của con người trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội với cảm hứng lãng mạn, lạc quan; Tình cảm sâu nặng với miền Nam trong nỗi đau chia cắt.

-Thành tựu:

❖ Văn xuôi: mở rộng đề tài, bao quát nhiều vấn đề, nhiều phạm vi của hiện thực đời sống.

♦ Đề tài kháng chiến chống Pháp (*Sống mãi với thủ đô, Cao điểm cuối cùng, Trước giờ nổ súng...*)

♦ Đề tài hiện thực đời sống trước cách mạng tháng Tám (*Vợ nhặt, Mười năm, Vỡ bờ...*)

♦ Đề tài công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn với sự đổi đời của con người (*Sông Đà, Mùa lạc, Cái sân gạch...*)

❖ Thơ: phát triển mạnh mẽ với nhiều tác gia tiêu biểu (*Gió lộng* của Tố Hữu, *Ánh sáng và phù sa* của Chế Lan Viên, *Đất nở hoa* và *Bài thơ cuộc đời* của Huy Cận..)

❖ Kịch nói: một số tác phẩm được dư luận chú ý (*Một đảng viên* của Học Phi, *Ngọn lửa* của Nguyễn Vũ, *Quần* của Lòng Chương..)

✦ Tóm lại: Văn học giai đoạn này đạt được nhiều thành tựu, đặc biệt ở thể loại thơ ca với cảm hứng lãng mạn, tràn đầy niềm vui, niềm lạc quan và niềm tin tưởng.

c.Chặng đường 1965 - 1975:

- Tập trung viết về cuộc kháng chiến chống Mỹ → chủ đề bao trùm: tinh thần yêu nước, ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

-Thành tựu:

❖ Văn xuôi:

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

♦ Những tác phẩm truyện, kí ra đời ngay trên tiền tuyến đầy máu lửa đã phản ánh nhanh nhạy và kịp thời cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam anh dũng (*Người mẹ cầm súng, Rừng xà nu, Hòn đất...*)

♦ Miền Bắc: truyện, kí cũng phát triển (kí chống Mĩ của Nguyễn Tuân, *Dấu chân người lính, Bão biển...*)

❖ Thơ: đạt nhiều thành tựu xuất sắc đánh dấu bước tiến mới của nền thơ Việt Nam hiện đại.

♦ Mở rộng và đào sâu chất liệu hiện thực.

♦ Tăng cường sức khái quát, chất suy tưởng, chính luận

♦ Ghi nhận một thế hệ nhà thơ trẻ chống Mĩ tài năng (Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Bằng Việt...) và hàng loạt các tác phẩm gây tiếng vang (Tập thơ *Ra trận, Máu và hoa* của Tố Hữu, *Hoa ngày thường – Chim báo bão* của Chế Lan Viên; *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm...)

❖ Kịch: cũng có những thành tựu đáng ghi nhận (*Quê hương Việt Nam và Thời tiết ngày mai* của Xuân Trình, *Đôi mắt* của Vũ Dũng Minh...)

❖ Nghiên cứu lí luận phê bình: xuất hiện những công trình có giá trị (Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Xuân Diệu...)

❖ Văn học vùng địch tạm chiếm: vì nhiều lí do không đạt được nhiều thành tựu lớn nếu đánh giá cả mặt tư tưởng và nghệ thuật.

3. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ năm 1945 → 1975.

a. Nền văn học vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước:

- Văn học phải phục vụ sự nghiệp cách mạng. Người nghệ sĩ dùng ngòi bút phục vụ cách mạng và kháng chiến.

- Đề tài: Tổ quốc và CNXH.

b. Nền văn học hướng về đại chúng:

- Đại chúng là đối tượng phản ánh, đối tượng phục vụ và là nguồn cung cấp lực lượng sáng tác cho văn học.

- Cảm hứng chủ đạo: đất nước là của nhân dân; quan tâm đến số phận của người dân, phát hiện bản chất cách mạng và phẩm chất anh hùng ở họ.

- Hình thức nghệ thuật quen thuộc với nhân dân, nội dung dễ hiểu, chủ đề rõ ràng, ngôn ngữ bình dị...

c. Nền văn học mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn:

-Khuynh hướng sử thi:

+Đề cập tới số phận chung của cộng đồng, của dân tộc; ca ngợi chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng;

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

+Nhân vật kết tinh những phẩm chất của cộng đồng, thể hiện ý chí của toàn dân tộc..., lời văn mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng, đẹp một cách tráng lệ và hào hùng.

-Cảm hứng lãng mạn:

-Trong khó khăn gian khổ vẫn tràn đầy ước mơ, lạc quan, tin tưởng vào tương lai; ca ngợi lý tưởng, cuộc sống mới, con người mới và ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

-Khuyênh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn luôn gắn bó với nhau: Hướng vận động của cốt truyện, tính cách nhân vật hay của cái tôi trữ tình... luôn từ tối đến sáng, hiện tại đến tương lai, nô lệ đến độc lập tự do...

II.Nêu những đặc điểm của văn học Việt Nam từ 1975 đến hết thế kỷ XX.

1. Hoàn cảnh lịch sử xã hội và văn hoá

– Với chiến thắng mùa xuân năm 1975 : đất nước mở ra một thời kì mới: độc lập tự do và thống nhất đất nước.

– Từ năm 1986 với công cuộc đổi mới do Đảng đề xướng, nước ta có những bước chuyển mới → nền văn học đổi mới như một quy luật.

2. Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu

– Thơ: Từ sau 1975, thơ không tạo được sự lôi cuốn, hấp dẫn như các giai đoạn trước nhưng vẫn có những tác phẩm được bạn đọc chú ý:

+ Chế Lan Viên với Di cảo thơ.

+ Những cây bút của văn học thời kì chống Mĩ: *Người đàn bà ngồi đan* (Ý Nhi), *Những người đi tới biển* (Thanh Thảo), *Đường tới thành phố* (Hữu Thịnh),...

+ Những cây bút sau 75: Phùng Khắc Bắc, Trần Anh Thái ...

– Từ sau 1975, văn xuôi có nhiều khởi sắc: *Đất trắng* (Nguyễn Trọng Oánh), *Hai người trở lại trung đoàn* (Thái Bá Lộc), *Gặp gỡ cuối năm* (Nguyễn Khải).

Từ năm 1986, văn học chính thức bước vào chặng đường đổi mới: gắn bó, cập nhật hơn đối với những vấn đề của đời sống hàng ngày.

+ Phóng sự xuất hiện, đề cập những vấn đề bức xúc của cuộc sống.

+ Truyện ngắn, tiểu thuyết, kí: *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu), *Tướng về hưu* (Nguyễn Huy Thiệp), *Mảnh đất lắm người nhiều ma* (Nguyễn Khắc Tường), *Bến không chồng* (Dương Hương), *Nỗi buồn chiến tranh* (Bảo Ninh), *Ai đã đặt tên cho dòng sông* (Hoàng Phủ Ngọc Tường), *Cát bụi chân ai* (Tô Hoài),...

– Kịch sau 1975 phát triển mạnh mẽ, tạo được sự chú ý: *Hồn Trương Ba da hàng thịt*, *Tôi và chúng ta* (Lưu Quang Vũ), *Mùa hè ở biển* (Xuân Trinh),...

– Lí luận văn học, nghiên cứu phê bình có nhiều đổi mới, xuất hiện một số cây bút trẻ có triển vọng, nhiều tiêu chí đánh giá văn học, hệ thống các khái niệm đã được bổ sung, ý thức tự giác cao hơn trong tiếp cận đối tượng ở các nhà phê bình, giá trị nhân văn, ý nghĩa nhân bản và chức năng thẩm mỹ của văn học được đặc biệt chú ý.

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

Từ 1975 nhất là từ 1986 văn học Việt Nam từng bước chuyển sang giai đoạn đổi mới. Văn học vận động theo hướng dân chủ hoá mang tính nhân bản và nhân văn sâu sắc.

III. Kết luận: (Ghi nhớ SGK trang 19)

B. DẶN DÒ:

- Đọc kĩ các nội dung trong sách giáo khoa
- Gạch chân những đề mục quan trọng

C. BÀI TẬP:

Trong bài “*Nhận đường*”, Nguyễn Đình Thi viết: “*Văn nghệ phụng sự kháng chiến, nhưng chính kháng chiến đem đến cho văn nghệ một sức sống mới. Sắt lửa mặt trận đang đúc nên nền văn nghệ mới của chúng ta*”

Hãy bày tỏ suy nghĩ của anh / chị về ý kiến trên.

Gợi ý:

a. Mở bài

- Giới thiệu khái quát về nhà thơ Nguyễn Đình Thi.
- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

b. Thân bài

-Giải thích ý kiến cần nghị luận

+ “*Văn nghệ phụng sự kháng chiến*”: Đây là quan điểm văn nghệ của Đảng ta, của các văn nghệ sĩ tự nguyện đem ngòi bút của mình phục vụ sự nghiệp kháng chiến của toàn dân tộc.

+ “*Nhưng chính kháng chiến đem đến cho văn nghệ một sức sống mới...*”: Mối quan hệ giữa hiện thực cuộc kháng chiến đối với văn nghệ:

→ Hiện thực luôn là nguồn sức mạnh bất tận nuôi sống văn học nghệ thuật, đem đến cho văn nghệ những chất liệu sống phong phú, những cảm hứng nồng nàn để tạo ra tác phẩm. Chính cuộc kháng chiến đã đến cho văn nghệ một sức sống mới trẻ trung, khoẻ khoắn để văn nghệ có thể phụng sự kháng chiến tốt hơn.

-Bàn luận:

+So sánh với văn học trước cách mạng, ta thấy, văn học kháng chiến đã có một “*sức sống mới*”, vì được hun đúc từ hiện thực kháng chiến. Văn học Việt Nam không bắt lực trước cách mạng như dòng văn học hiện thực phê phán trước cách mạng, cũng không thoát li, xa lạ với đời sống nhân dân như thơ ca và tiểu thuyết lãng mạn.

→ Chính kháng chiến đã tạo ra nền văn học mới của cách mạng.

+Rút ra bản chất và đặc trưng của nền văn nghệ mới: nền văn nghệ của nhân dân, gắn bó mật thiết với vận mệnh của đất nước, từ cuộc cách mạng của nhân dân và đất nước mà lớn lên, để rồi phục vụ cuộc sống đó của nhân dân, của đất nước.

→ Có thể nói “*Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy*” (Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa 1951- Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

☛ Cách nói với hai ý có vẻ như mâu thuẫn “ngược nhau” nhưng lại thống nhất với nhau khiến luận điểm càng thêm sâu sắc.

c. **Kết bài:** Khái quát lại mối quan hệ giữa văn nghệ và kháng chiến cũng như vai trò của nó đối với nền văn học nước nhà.

-----*★◆▲◆*-----

Tiết 3

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ

A. NỘI DUNG BÀI HỌC:

I. YÊU CẦU CHUNG:

1. **Học sinh làm một bài văn ngắn** (khoảng 600 từ - không quá hai trang giấy làm bài) bàn về một tư tưởng đạo lí hoặc một hiện tượng đời sống.

2. **Tuy điều kiện thời gian làm bài rất eo hẹp nhưng học sinh cũng cần phải đảm bảo đúng nghĩa của một bài văn nghị luận xã hội hoàn chỉnh.** Cụ thể:

- Bài làm phải đầy đủ ba phần: *Mở bài, thân bài, kết bài.*

- Giữa ba phần (*mở bài, thân bài, kết bài*) và giữa các luận điểm, các đoạn trong phần thân bài phải có sự liên kết chặt chẽ. Để làm được như vậy, cần phải:

+ Sử dụng những từ ngữ, những câu văn... để chuyển ý.

+ Câu chuyển ý thường ở đầu đoạn văn (Câu này thường có chức năng: liên kết với ý ở đoạn văn trước đó và mở ra ý mới trong đoạn văn).

+ Không thể trình bày phần thân bài chỉ với một đoạn văn!

- Phải bảo đảm tính cân đối giữa ba phần (*mở bài, thân bài, kết bài*) trong toàn bộ bài văn cũng như giữa các luận điểm ở phần thân bài, tránh trường hợp làm bài kiểu “*đầu voi đuôi chuột*” (phần “*mở bài, thân bài*” lại nói nhiều, thiếu phần “*kết bài*”).

- Phải biết vận dụng kết hợp các thao tác lập luận trong bài văn: giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận... Trước một đề bài cụ thể, cần suy nghĩ lựa chọn: *Nên sử dụng các thao tác lập luận nào? Sắp xếp trình tự các thao tác ra sao?*

- Đề bài văn có sức thuyết phục, cần sử dụng một số phương thức biểu đạt như biểu cảm, tự sự, miêu tả, thuyết minh... hỗ trợ cho phương thức nghị luận chính.

II. ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG, VẤN ĐỀ NGHỊ LUẬN:

1. Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí:

- Vấn đề nhận thức: *lí tưởng, mục đích sống...*

- Vấn đề về đạo đức, tâm hồn, tính cách: *lòng yêu nước, lòng nhân ái, vị tha, bao dung, độ lượng; tính trung thực, dũng cảm, chăm chỉ, cần cù, thái độ hòa nhã, khiêm tốn; thói ích kỉ, ba hoa, vụ lợi...*

- Vấn đề về các quan hệ gia đình: *tình mẫu tử, tình phụ tử, tình anh em...*

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

- Vấn đề về các quan hệ xã hội: *tình đồng bào, tình thầy trò, tình bạn...*
- Vấn đề về cách ứng xử, đối nhân xử thế của con người trong cuộc sống.

2. Nghị luận về một hiện tượng đời sống:

- Đề tài nghị luận thường gắn gũi với đời sống và sát hợp với trình độ nhận thức của học sinh: *tai nạn giao thông, hiện tượng môi trường bị ô nhiễm, đại dịch AIDS, những tiêu cực trong thi cử, nạn bạo hành trong gia đình, phong trào thanh niên tiếp sức mùa thi, cuộc vận động giúp đỡ đồng bào hoạn nạn, những tấm gương người tốt việc tốt...*

- Nghị luận về một hiện tượng đời sống không chỉ có ý nghĩa xã hội mà còn có tác dụng giáo dục tư tưởng, đạo lí, cách sống đúng đắn, tích cực đối với học sinh, thanh niên.

III. ĐỊNH HƯỚNG DÀN Ý CHUNG:

1. Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí:

a. Mở bài:

- Dẫn dắt vào đề (...)
- Giới thiệu về tư tưởng, đạo lí nêu ở đề bài (...)
- Trích dẫn ý kiến, nhận định (nếu có) (...)

b. Thân bài:

*** Giải thích tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (...).**

Tùy theo yêu cầu đề bài có thể có những cách giải thích khác nhau:

- *Giải thích khái niệm*, trên cơ sở đó giải thích ý nghĩa, nội dung vấn đề.
- *Giải thích nghĩa đen* của từ ngữ, rồi suy luận ra *nghĩa bóng*, trên cơ sở đó giải thích ý nghĩa, nội dung vấn đề.
- *Giải thích mệnh đề, hình ảnh* trong câu nói, trên cơ sở đó xác định nội dung, ý nghĩa của vấn đề mà câu nói đề cập.

*** Phân tích và chứng minh những mặt đúng của tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (...)**

Bản chất của thao tác này là giảng giải nghĩa lí của vấn đề được đặt ra để làm sáng tỏ tới cùng bản chất của vấn đề. Phần này thực chất là trả lời câu hỏi: **Tại sao? (Vì sao?) Vấn đề được biểu hiện như thế nào?**

*** Phê phán, bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề đang bàn luận (...)**

*** Bình luận, đánh giá (bàn bạc, mở rộng, đề xuất ý kiến...):**

- Đánh giá vấn đề: Nêu *ý nghĩa* của vấn đề, mức độ *đúng – sai, đóng góp – hạn chế* của vấn đề.
- Từ sự đánh giá trên, rút ra *bài học kinh nghiệm* trong *cuộc sống* cũng như trong *học tập*, trong *nhận thức* cũng như trong *tư tưởng, tình cảm...*

- Đề xuất phương châm đúng đắn...

c. Kết bài:

- Khẳng định chung về tư tưởng, đạo lí đã bàn luận ở thân bài (...)

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

- Lời nhắn gửi đến mọi người (...)

B.DẶN DỖ: Lưu ý trình tự, hình thức, nội dung bài văn nghị luận tư tưởng đạo lí

C.BÀI TẬP:

Đề 1.“**Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động**”. Ý kiến của M.Xi-xê-rông (nhà triết học La Mã cổ đại) gợi cho anh (chị) những suy nghĩ gì về việc tu dưỡng và học tập của bản thân.

Gợi ý:

1.Mở bài: dựa vào những gợi ý sau viết mở bài

-Nhạc sỹ thiên tài người Đức Beethoven có nói “*Trong cuộc sống, không có gì cao quý và tốt đẹp hơn là đem hạnh phúc cho người khác*”.

-Nhạc sỹ Trịnh Công Sơn từng viết “*Sống trên đời cần có một tấm lòng. Để làm gì em biết không? Để gió cuốn đi, để gió cuốn đi...*”.

→ dẫn dắt, nêu yêu cầu đề

2.Thân bài:

a.Giải thích:

-“**Đức hạnh**” là phẩm chất đạo đức tốt đẹp ở con người như lòng nhân ái, bao dung, đức hi sinh, sự khiêm nhường, lòng dũng cảm... **Đức hạnh** không tự nhiên có được mà phải qua quá trình rèn luyện, nuôi dưỡng.

- “**Hành động**” là những việc làm thực tiễn của chúng ta được chi phối bởi lí trí . “**Hành động**” là thước đo của đức hạnh. “**Đức hạnh**” phải được biểu hiện qua hành động, lối sống.

→ Cả câu nói của nhà triết học M. Xi-xê-rông có ý muốn nhấn mạnh rằng: mọi phẩm chất tốt đẹp trong tâm hồn, nhân cách con người cần được thể hiện ở trong những hành động cụ thể. Khi đánh giá năng lực phẩm chất của một con người chúng ta phải dựa trên những việc người đó làm.

b.Chứng minh: Lựa chọn những dẫn chứng tiêu biểu, phân tích, thuyết phục người đọc

-Triệu Thị Trinh với câu nói nổi tiếng: “*Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp ngọn sóng dữ, muốn chém cá kình ngoài biển Đông, chứ không muốn làm tì thiếp người ta*”. Bà đã cùng anh trai là Triệu Quốc Đạt dấy binh khởi nghĩa chống quân xâm lược phương Bắc.

-Tướng Trần Bình Trọng khi sa vào tay giặc, bị dụ dỗ, đe dọa, ông đã hùng hồn tuyên bố: “*Ta thà làm ma nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc*”.

→Như vậy, **hành động là biểu hiện, là kết tinh của đức hạnh**. Con người phải luôn luôn tự đánh giá, tự nhận thức bản thân mình qua việc làm, qua ứng xử cụ thể, qua hành động chứ không phải qua lời nói của mình.

c.Bàn luận:

NỘI DUNG BÀI HỌC NGŨ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

-Con người trưởng thành qua hành động thực tiễn, phải luôn luôn tham gia tích cực các hoạt động xã hội như mùa hè xanh, thanh niên tình nguyện, hành trình xanh, các hoạt động Đoàn, Đội ở trường và làng xóm, khu phố.... Hành động thiết thực của chúng ta hiện nay là dám nhìn nhận những khuyết điểm, sai lầm, dám khắc phục, sửa chữa, vươn lên tiếp cận cái mới, cái tiên bộ để làm giàu cho bản thân và đất nước.

-Đức hạnh là cội rễ, hành động là hoa thơm quả ngọt dâng đời. Không có hành động thì đức hạnh không để lại gì, không đóng góp gì cho người thân và xã hội

-Học tập, tu dưỡng, rèn luyện để có đức hạnh, cả trong nhận thức và hành động, là quá trình gian nan, vượt nhiều khó khăn thử thách.

3.Kết luận: Người ta thường nói rằng:

-Phẩm chất đức hạnh con người được đo bằng kết quả thực tế việc làm chứ không phải bằng những lời ba hoa, lý thuyết, hùng biện, mị dân, tự đánh bóng mình.

-Con người phải luôn luôn hoàn thiện tư cách đạo đức phẩm giá bằng những bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn



Tuần 2, tiết 4,5

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

(Hồ Chí Minh)

A.NỘI DUNG BÀI HỌC

PHẦN I. TÁC GIẢ:

Câu 1: Trình bày ngắn gọn quan điểm sáng tác văn học của Hồ Chí Minh?.

a.Hồ Chí Minh coi văn học là vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng. Nhà văn cũng phải có tinh thần xung phong như người chiến sỹ ngoài mặt trận:

“Nay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong”

(“Cảm tưởng đọc Thiên gia thi”)

b.HCM luôn chú trọng đến tính chân thật và tính dân tộc của văn học. Người căn dặn các nhà văn phải *“Miêu tả cho hay, cho chân thật, hùng hồn hiện thực phong phú của đời sống”*. Đồng thời, *“nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc và phải có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”*

c.Khi cầm bút, bao giờ HCM cũng xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức tác phẩm. Người luôn tự đặt câu hỏi: *“Viết cho ai?”* (Đối tượng), *“Viết để làm gì?”* (Mục đích), rồi sau đó mới quyết định *“Viết cái gì?”* (Nội dung) và *“Viết như thế nào?”* (Hình thức)

Câu 2: Nêu những nét chính trong di sản văn học của Nguyễn Ái Quốc- HCM?

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

Đó là di sản văn học có tầm vóc lớn, đặc sắc nghệ thuật, đa dạng về thể loại & phong cách ngôn ngữ.

1. Văn chính luận: tiêu biểu là 3 tác phẩm: *“Tuyên ngôn độc lập” (1945)*, *“Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” (1946)*, *“Không có gì quý hơn độc lập tự do” (1946)*.

-Thể hiện nhiệm vụ cách mạng của dân tộc qua các chặng đường lịch sử, phản ánh khát vọng độc lập, tự do & những vấn đề thời sự cấp bách.

-Lí trí sáng suốt, trí tuệ sắc sảo, văn phong hùng hồn, tha thiết cấu trúc chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, bố cục hợp lí.

2. Truyện & kí: *“Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu”*, *“Lời than vãn của bà Trưng Trắc”* *“Vi hành”*...

-Vạch trần bản chất xấu xa của thực dân, tay sai, lên án bọn cầm quyền bù nhìn, ca ngợi những chiến sĩ cách mạng đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc.

-Nghệ thuật châm biếm sắc sảo, lối hành văn hiện đại & trí tưởng tượng phong phú.

3. Thơ ca: tên tuổi HCM gắn với tập thơ *“Nhật kí trong tù”*(1942-1943)

-Thể hiện một tâm hồn nghệ sĩ tinh tế & tài hoa, một trí tuệ linh hoạt, một nghị lực phi thường & nhân cách cao đẹp của một chiến sĩ cách mạng. Chứa chan tình cảm yêu nước & tinh thần nhân đạo.

-Kết hợp hài hòa giữa bút pháp cổ điển & tinh thần hiện đại, giữa chất chiến sĩ (chất thép) và chất nghệ sĩ (chất tình)...

- Ngoài ra còn có một số chùm thơ Người làm ở Việt Bắc từ năm 1941 đến 1945 và trong thời kì kháng chiến chống Pháp như: *“Pác Pó hùng vĩ”* *“Tức cảnh Pác Pó”*, *“Thương sơn”*, *“Nguyên tiêu”*, *“Báo tiệp”*....

Câu 4: Trình bày phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh?

Phong cách Hồ Chí Minh đa dạng nhưng thống nhất: kết hợp sâu sắc & nhuần nhị mối quan hệ giữa chính trị & văn chương, giữa tư tưởng & nghệ thuật, giữa truyền thống & hiện đại. Ở mỗi thể loại, Người đều có phong cách riêng.

1. Văn chính luận: ngắn gọn súc tích, lập luận chặt chẽ, bộc lộ tư duy sắc sảo, giàu tri thức văn hóa, gắn lý luận với thực tiễn, giàu tính luận chiến, vận dụng nhiều phương thức biểu đạt.

2. Truyện và kí: giàu tính trí tuệ & hiện đại, thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ. Tiếng cười trào phúng tuy nhẹ nhàng, hóm hỉnh nhưng thâm thúy sâu cay.

3. Thơ ca: thể hiện sâu sắc và tinh tế vẻ đẹp tâm hồn của HCM. Nhiều bài cổ thi hàm súc, đạt chuẩn mực về nghệ thuật. Nhiều bài thơ hiện đại, thể thơ tuyên truyền phục vụ có hiệu quả cho nhiệm vụ cách mạng.

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

PHẦN II. TÁC PHẨM.

Câu 1: Hãy nêu hoàn cảnh ra đời, mục đích sáng tác bản “*Tuyên ngôn độc lập*” của Hồ Chí Minh (HCM)?

a. Tình hình quốc tế: Chiến tranh thế giới thứ II kết thúc, trên chiến trường Châu Âu, Phát-xít Nhật, kẻ đang chiếm đóng nước ta lúc bấy giờ đã đầu hàng Đồng minh.

b. Âm mưu của giặc: Để chuẩn bị cho cuộc xâm lăng lần thứ II, thực dân Pháp đã tung ra nhiều luận điệu xảo trá: Đông Dương từng là thuộc địa của Pháp, nay Nhật thua đương nhiên Pháp củng cố vị trí thống trị ở Đông Dương.

c. Tình hình trong nước Việt Nam:

-Chớp lấy thời cơ, nhân dân vùng lên giành chính quyền, chỉ trong một tuần lễ, cờ đỏ sao vàng đã tung bay khắp ba miền.

-Ngày 19/8, chính quyền ở Hà Nội về tay nhân dân, ngày 26/8/1945 tại căn nhà 48 phố Hàng Ngang, HCM soạn thảo bản tuyên ngôn.

-Ngày 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình, người thay mặt chính phủ lâm thời đọc bản tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

d. Mục đích: Bản tuyên ngôn ra đời nhằm mục đích **chặn đứng âm mưu xâm lược của thực dân Pháp; khẳng định quyền độc lập, tự chủ của dân tộc.**

Câu 2: Nêu vắn tắt giá trị lịch sử và giá trị văn học của bản “*Tuyên ngôn độc lập*” của Hồ Chí Minh?

a. Giá trị lịch sử:

-“*Tuyên ngôn độc lập*” là một văn kiện lịch sử đúc kết nguyện vọng sâu xa của dân tộc Việt Nam về quyền độc lập, tự do; cũng là kết quả tất yếu của quá trình đấu tranh gần 100 năm của dân tộc ta.

-“*Tuyên ngôn độc lập*” đã tuyên bố **chấm dứt** chế độ thực dân phong kiến ở Việt Nam và mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc ta: **Kỷ nguyên độc lập tự do.** Kỷ nguyên nhân dân làm chủ đất nước.

b. Giá trị văn học:

-“*Tuyên ngôn độc lập*” là một áng văn thể hiện **tinh thần yêu nước** của cả một thời đại cách mạng hào hùng. Tác phẩm nêu cao truyền thống yêu nước, truyền thống nhân đạo của người Việt Nam.

-“*Tuyên ngôn độc lập*” là một **áng văn chính luận mẫu mực.** Dung lượng tác phẩm ngắn gọn, kết cấu chặt chẽ, chứng cứ cụ thể, lập luận sắc bén, giàu sức thuyết phục, văn phong hùng hồn...

Câu 3. Tóm tắt tác phẩm “*Tuyên ngôn độc lập*” của Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

Bản “*Tuyên ngôn Độc lập*” mở đầu bằng những câu trích dẫn từ “*Tuyên ngôn Độc lập*” của Mỹ năm 1776 và “*Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền*” của Pháp năm 1791 để khẳng định quyền được hưởng độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.

Tiếp đó, bản Tuyên ngôn lên án tội ác của thực dân Pháp đối với dân tộc Việt Nam trong hơn tám mươi năm xâm lược nước ta. Đó là những tội ác về kinh tế, chính trị, văn hoá, ngoại giao và tội bán nước ta hai lần cho Nhật. Bản Tuyên ngôn khẳng định tinh thần yêu chuộng hòa bình của dân tộc Việt Nam qua thái độ khoan hồng và nhân đạo đối với người Pháp, qua hành động nổi dậy giành chính quyền từ tay Nhật, qua việc đánh đổ chế độ thực dân phong kiến để mở ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Bản Tuyên ngôn kết thúc bằng lời tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, kêu gọi các nước trên thế giới công nhận quyền độc lập của dân tộc Việt Nam và tuyên bố về ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập tự do của toàn dân tộc.

Câu 4. Mở đầu “*Tuyên ngôn Độc lập*”, Hồ Chí Minh trích dẫn những bản tuyên ngôn nào? Nội dung của hai bản tuyên ngôn đó là gì? Ý nghĩa của việc trích dẫn đó?

- **Mở đầu** của “*Tuyên ngôn độc lập*” Việt Nam, **Hồ Chí Minh trích dẫn**:

+ “*Tuyên ngôn độc lập*” của nước Mỹ năm 1776: “*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.*”

+ Tuyên ngôn “*Nhân quyền và Dân quyền*” của cách mạng Pháp năm 1791: “*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.*”

- **Nội dung của hai bản tuyên ngôn đó khẳng định**: “*Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*”.

- **Ý nghĩa của cách lập luận ấy**:

+ **Về mặt nội dung**: Nêu lên những nguyên lí chung về **quyền được hưởng tự do bình đẳng của nhân loại** để khẳng định quyền được hưởng tự do bình đẳng cũng như **lập trường chính nghĩa** của dân tộc Việt Nam; tạo vị thế bình đẳng giữa Việt Nam với các nước lớn trên thế giới.

+ **Về mặt nghệ thuật**: Đưa ra những lí lẽ thuyết phục để chuẩn bị tiền đề cho lập luận ở phần tiếp theo, làm cơ sở cho cả hệ thống lập luận của bản tuyên ngôn.

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

Câu 5. Hãy phân tích “*Tuyên ngôn độc lập*” của Hồ Chí Minh để làm rõ tác phẩm là một văn kiện có giá trị lịch sử to lớn, là một bài văn chính luận mẫu mực.

a. Tác phẩm là một văn kiện có giá trị lịch sử to lớn. (xem phần giá trị lịch sử)

b. Tác phẩm là một bài văn chính luận mẫu mực.

b1. Thế nào là một bài văn chính luận mẫu mực?

- Một bài văn chính luận nhằm thuyết phục người đọc về một vấn đề chính trị. Vấn đề chính trị mà “*Tuyên ngôn độc lập*” đưa ra là niềm khao khát tự do cháy bỏng của dân tộc Việt Nam đã tích tụ hàng ngàn năm.

- “*Tuyên ngôn độc lập*” là một bài văn chính luận mẫu mực vì: lập luận chặt chẽ, lý lẽ đanh thép, những dẫn chứng giàu sức thuyết phục và ngôn ngữ gợi cảm, hùng hồn.

b2. Lập luận chặt chẽ của bài văn thể hiện ở cách tác giả tổ chức và sắp xếp tài tình các luận điểm, luận cứ nhằm xoáy vào vấn đề lớn là quyền được hưởng độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.

★ **Đoạn 1: Tạo cơ sở pháp lý cho bản Tuyên ngôn.**

-Luận điểm: “*Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*”.

-Chứng minh luận điểm bằng cách trích dẫn “*Tuyên ngôn Độc lập*” của Mỹ và “*Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền*” của cách mạng Pháp.

-Ý nghĩa:

+Chân lý đưa ra được rút từ hai bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp mà tác giả gọi đó là những “*lời bất hủ*”, “*những lẽ phải*” của loài người. Bác đã tạo cơ sở pháp lý cho bản tuyên ngôn bằng **sự hậu thuẫn bởi chân lý của loài người**. Vì thế, lẽ đương nhiên, nó phải được loài người công nhận và bảo vệ.

+Bác nhắc nhở người Mỹ và Pháp một cách kiên quyết và khéo léo: **đừng chà đạp lời nói của tổ tiên, đừng làm vấy máu lá cờ nhân đạo ở nước họ**.

+Niềm tự hào khi Bác đặt ba dân tộc, ba cuộc cách mạng, ba bản Tuyên ngôn ngang hàng nhau.

+Bác phát triển quyền lợi của con người thành quyền lợi dân tộc.

→ Bằng cách qui nạp vấn đề khéo léo, lập luận chặt chẽ, giàu tính chiến đấu, tác giả buộc thế giới phải thừa nhận quyền được hưởng độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.

★ **Đoạn 2:**

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

-**Cơ sở thực tế khách quan của bản Tuyên ngôn** là nền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam bị xâm phạm bởi bọn thực dân Pháp. Tác giả đưa ra lý lẽ: *“Bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta.”*

+**Về chính trị:** *“chúng không cho dân ta tự do”, “thi hành những luật pháp dã man”, “lập ra nhà tù nhiều học”...*

+ **Về văn hoá – giáo dục:** *“thi hành chính sách ngu dân”* cai trị dân ta bằng *“thuốc phiện”, “rượu cồn”* để làm nòi giống ta suy yếu.

+ **Về kinh tế :** *“Bóc lột dân ta đến tận xương tủy”*, hậu quả là *“cuối năm ngoái sang đầu năm nay (1945), từ Quảng Trị đến Bắc kỳ hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói”...*

+ **Về ngoại giao:** *“trong năm năm chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật”...*

→ Những câu văn với cấu trúc đồng dạng, ngắn gọn; từ **“chúng”** được điệp lại nhiều lần; giọng văn đanh thép; ngôn ngữ sắc sảo, gợi cảm, hùng hồn; lối lập luận theo **kiểu diễn dịch và bác bỏ...** là một lời tuyên án đòn nện bao căm giận đã lật tẩy bộ mặt bịp bợm của thực dân Pháp.

- **Cơ sở thực tế chủ quan là dân tộc ta rất yêu chuộng hoà bình, khát khao độc lập tự do.** Để khẳng định điều đó, tác giả tạo ra **thế đối lập giữa ta và địch:**

+**Kẻ thù** đã dè hèn **“quỳ gối mở cửa nước ta rước Nhật”**, khi Nhật đảo chính thì thực dân Pháp hoặc bỏ chạy, hoặc đầu hàng... Trong khi đó, nhân dân ta anh dũng vùng lên quật khởi.

+**Ta** *“từng kêu gọi người Pháp liên minh chống Nhật”*, đứng về phía Đồng minh chống phát xít, trong khi đó, thực dân Pháp thẳng tay giết hại những người Việt Minh.

+**Ta nổi dậy giành chính quyền từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp** (*“Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp”*).

+**Đánh đổ chế độ phong kiến thực dân lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa.**

→ Bằng nhịp điệu dồn dập, điệp ngữ *“sự thật là”* được lấy đi lấy lại, cách xưng hô phân biệt rạch ròi (*“bọn thực dân Pháp”, “chúng”, “người Pháp”, “họ”*), giọng văn đanh thép, tính hùng biện và sức thuyết phục cao, bản Tuyên ngôn đã phủ nhận vai trò của Pháp ở Việt Nam, khẳng định quyền được hưởng độc lập tự do của dân tộc.

- **Trong lời tuyên bố độc lập tự do, tác giả nhấn mạnh 4 điểm:**

+ **Thoát ly quan hệ với thực dân Pháp:** xoá bỏ mọi hiệp ước, mọi đặc quyền đặc lợi của Pháp trên đất nước Việt Nam.

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

+ Kêu gọi toàn dân đoàn kết chống lại âm mưu của thực dân Pháp “Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp”.

+ Kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam: “Các nước Đồng ... dân tộc Việt Nam”.

+ Quyền độc lập tự chủ của dân tộc: “Một dân tộc đã gan góc ... Dân tộc đó phải được độc lập”.

★ Đoạn 3: là lời tuyên bố trịnh trọng và hùng hồn về quyền được hưởng độc lập tự do của dân tộc Việt Nam và ý chí, quyết tâm bảo vệ nền độc lập tự do vừa mới giành được của toàn dân tộc “Nước Việt Nam ... giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

→Lời văn cô đọng, chặt chẽ, dồn nén, như mang sức mạnh của cả một dân tộc đoàn kết vùng lên sẵn sàng chiến đấu, hy sinh để bảo vệ độc lập tự do.

b3. Bố cục ngắn gọn, súc tích: Tác phẩm “ngắn gọn, trong sáng, khúc chiết” ở số lượng câu, từ có thể đếm được. Ví dụ như câu “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị” chỉ có 7 từ mà đã khái quát lịch sử chống phong kiến mấy ngàn năm, chống thực dân Pháp hơn 80 năm, chống phát xít Nhật 5 năm của dân tộc ta.

c. Nhận xét chung:

- “*Tuyên ngôn độc lập*” của Hồ Chí Minh xứng đáng là áng văn chính luận mẫu mực của dân tộc Việt Nam trong thời đại mới.

- Tạo nên áng văn chính luận mẫu mực ấy là tư tưởng, trí tuệ Hồ Chí Minh - một tâm văn hoá sánh ngang tinh hoa nhân loại.

- Với cái nhìn yêu thương, nhân đạo của người cộng sản, những trang văn của Bác thấm nhuần tư tưởng yêu nước, ca ngợi, tự hào sức mạnh của dân tộc đồng thời khơi dậy ngọn lửa đấu tranh của các dân tộc thuộc địa trên thế giới.

-----*▲★◆▲◆*-----

Tiết 6

GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

Bài 1 (trang 33 SGK Ngữ văn 12 tập 1)

Phân tích tính chuẩn xác trong việc dùng từ ngữ của Hoài Thanh và Nguyễn Du khi chỉ ra nét tiêu biểu về diện mạo hoặc tính cách các nhân vật trong “*Truyện Kiều*”

CÁCH 1:

Nhân vật	Từ ngữ miêu tả	Đặc điểm nhân vật
----------	----------------	-------------------

NỘI DUNG BÀI HỌC NGŨ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

Kim Trọng	Rất mực chung tình	Yêu say đắm Thuý Kiều, chung thủy trước sau như một. Dù đã có Thuý Vân thay thế nhưng tấm lòng Kim Trọng không khi nào quên được Thuý Kiều, dù nàng đã trải qua bao sóng gió đập vùi nhưng tình yêu của Kim Trọng vẫn mặn mà, đậm thắm.
Thuý Vân	Cô em gái ngoan	Nhận lời “trao duyên” của Thuý Kiều để chị an lòng trên đường xa vạn dặm.
Hoạn Thư	Bản lĩnh khác thường, biết điều mà cay nghiệt	Người đàn bà thâm hiểm, luôn biết làm những việc để đạt những mục đích của mình
Thúc Sinh	Sợ vợ	Con người luôn lép vế, cúi đầu trước vợ (Hoạn Thư). Thúc Sinh yêu Thuý Kiều nhưng không dám bày tỏ với vợ, chứng kiến Hoạn Thư hành hạ Kiều chỉ biết câm lẳng, ngậm đắng nuốt cay
Từ Hải	Chợt hiện ra, chợt biến đi như một vì sao lạ	Người anh hùng bất ngờ đến với cuộc đời Kiều, giúp nàng “báo ân, báo oán”. Nhưng rồi do sai lầm của Kiều mà “chết đứng” giữa trận chiến.
Tú Bà	Màu da nhòn nhọt	Sống bằng nghề buôn phân bán hương, buôn thịt bán người, lấy đêm làm ngày, lấy ngày làm đêm đầy ghê tởm.
Mã Giám Sinh	Mày râu nhẵn nhụi	Trai lơ, chải chuốt mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao, luôn cố tỏ vẻ trẻ trung để đánh lừa người khác.
Bạc Bà, Bạc Hạnh	Miệng thề xoén xoét	Hai kẻ cùng một phường với Tú Bà, đều là loại lọc lừa, điêu trá.
Sở Khanh	Chải chuốt dịu dàng	Một gã chuyên đi gạ tình những cô gái bất hạnh, vẻ ngoài óng chuốt nhưng kì thực giả dối, bạc tình.

CÁCH 2:

Bài 1 trang 33, 34: Phân tích tính chuẩn xác trong việc sử dụng từ ngữ của Hoài

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

Thanh và Nguyễn Du khi chỉ ra nét tiêu biểu về diện mạo hoặc tính cách các nhân vật trong “Truyện Kiều”.

[...] Nhưng trong “Truyện Kiều” còn có bao nhiêu người khác. Có chàng Kim, con người rất mực chung tình, có Thúy Vân, cô em gái ngoan, có Hoạn Thư, người đàn bà bản lĩnh khác thường, biết điều mà cay nghiệt, có Thúc Sinh, anh chàng sợ vợ, có Từ Hải chột hiện ra, chột biến đi như một vì sao lạ, mỗi người một cá tính khó quên. Đối với bọn nhà chứa, ngòi bút Nguyễn Du không tò mò, Nguyễn Du ngại bới ra những gì quá dơ dáy, Nguyễn Du chỉ ghi vôi vài nét. Nhưng chỉ vài nét cũng đủ khiến cả cái xã hội ghê tởm đó sống như nhúc dưới ngòi bút Nguyễn Du với cái màu da “nhờn nhợt” của Tú Bà, cái bộ mặt “mày râu nhẵn nhụi” của Mã Giám Sinh, cái vẻ “chải chuốt”, “dịu dàng” của Sở Khanh, cái miệng thề “xoen xoét” của Bạc Bà, Bạc Hạnh.

Bài làm:

Các từ ngữ nói về các nhân vật mà hai nhà văn đã sử dụng:

- Kim Trọng: rất mực chung tình
- Thúy Vân: cô em gái ngoan
- Hoạn Thư: người đàn bà bản lĩnh khác thường, biết điều mà cay nghiệt
- Thúc Sinh: sợ vợ
- Từ Hải: chột hiện ra, chột biến đi như một vì sao lạ
- Tú Bà: màu da “nhờn nhợt”
- Mã Giám Sinh: “mày râu nhẵn nhụi”
- Sở Khanh: “chải chuốt”, “dịu dàng”
- Bạc Bà, Bạc Hạnh: miệng thề “xoen xoét”

a) Đối với Kim Trọng, việc dùng cụm từ “rất mực chung tình” là rất chính xác. Kim Trọng yêu say đắm Thúy Kiều, nhưng vì gia đình Kiều bị kẻ bán tơ vu oan, cha và em trai bị bắt giam. Kiều phải bán mình cho Mã Giám Sinh để lấy tiền cứu người thân. Tình duyên giữa Kim Trọng và Thúy Kiều phải “*giữa đường đứt gánh*”. Mặc dù được thay thế bằng mối tình của Thúy Vân, nhưng Kim Trọng vẫn không nguôi được tình cảm với Thúy Kiều. Kim Trọng đã bằng mọi cách để tìm tung tích Thúy Kiều. Gặp lại Kiều, tình cảm của Kim Trọng vẫn đậm thắm như xưa.

b) Thúy Vân sẵn sàng hi sinh, chấp nhận thay chị mình lấy Kim Trọng, giúp chị làm tròn lời thề nguyện thủy chung. Vì vậy, Thúy Vân là “*cô em gái ngoan*”.

c) - Hoạn Thư khi biết chồng mình là Thúc Sinh có nhân tình bên ngoài (Thúy Kiều) vẫn giữ thể diện cho chồng, nghe gia nhân bàn bạc về chuyện ấy là dọa “*bẻ răng*”. Khi Thúc Sinh về thăm nhà thì vẫn ngọt ngào như không có chuyện gì xảy ra. Đó là “người đàn bà bản lĩnh khác thường”.

- Mặt khác, Hoạn Thư lại bí mật cho người đến chỗ ở của Thúy Kiều bắt nàng về làm toi đòi, đứn ở. Hoạn Thư còn bắt Thúy Kiều đánh đàn mua vui cho hai vợ chồng mình.

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

Sau đó cho Thúy Kiều ra tu ở Quan Âm các (ngôi chùa riêng của nhà họ Hoạn). Đó là “cay nghiệt”.

- Hoạn Thư đánh giá rất cao tài năng của Thúy Kiều. Và biết Thúc Sinh lên sang chùa tình tự với Thúy Kiều, Hoạn Thư nghe thấy hết nhưng vẫn giấu mặt. Thúy Kiều biết chuyện sợ quá trốn đi, có mang theo chuông vàng, khánh bạc của nhà họ Hoạn nhưng Hoạn Thư vẫn không cho người đuổi theo. Đó là “*biết điều*”.

d) Thúc Sinh cứu Thúy Kiều ra khỏi thanh lâu, nhiều lần Thúy Kiều khuyên Thúc Sinh trở về nhà nói rõ mọi chuyện với Hoạn Thư, xin cho nàng thân phận làm vợ lẽ. Thúc Sinh cứ lần lữa mãi. Cho đến khi về, cũng không dám nói gì với vợ: “*Nào ai có khảo mà mình lại xưng?*”. Rồi thấy Thúy Kiều bị vợ mình hành hạ, bắt đánh đàn mua vui vẫn không dám nhận mặt. Đúng là một kẻ “*sợ vợ*”.

e) Từ Hải là một anh hùng “*Đội trời đạp đất ở đời*”, đã cứu Thúy Kiều ra khỏi lầu xanh lần thứ hai. Hai người đã có những tháng ngày nồng thắm, hạnh phúc. Sau đó, Từ Hải từ giã Thúy Kiều ra đi làm nên nghiệp lớn. Từ đã giúp Kiều báo ân báo oán. Vì nghe lời khuyên của Thúy Kiều, Từ Hải ra hàng triều đình. Không ngờ lại mắc lừa Hồ Tôn Hiến nên bị “*chết đứng giữa trận tiền*”.

Bài 2 trang 34: Đoạn văn sau của Chế Lan Viên đã bị lược bỏ các dấu câu. Hãy đặt các dấu câu cần thiết vào vị trí thích hợp để đảm bảo sự trong sáng của đoạn văn.

Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông dòng sông vừa trôi chảy vừa phải tiếp nhận dọc đường đi của mình những dòng nước khác dòng ngôn ngữ cũng vậy một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì mà thời đại đem lại.

Bài làm:

Cách 1: Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông. Dòng sông vừa trôi chảy, vừa phải tiếp nhận - dọc đường đi của mình - những dòng nước khác. Dòng ngôn ngữ cũng vậy - một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc, nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì mà thời đại đem lại.

Cách 2: Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông. Dòng sông vừa trôi chảy, vừa phải tiếp nhận (dọc đường đi của mình) những dòng nước khác. Dòng ngôn ngữ cũng vậy: Một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc, nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì mà thời đại đem lại.

Cách 3: Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông. Dòng sông vừa trôi chảy, vừa phải tiếp nhận - dọc đường đi của mình - những dòng nước khác. Dòng ngôn ngữ cũng vậy. Một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc, nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì mà thời đại đem lại.

Bài 3 trang 34: Nhận xét về việc dùng từ nước ngoài trong trường hợp sau. Hãy thay

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

những từ ngữ mà anh (chị) cho là lạm dụng bằng từ ngữ tiếng Việt tương xứng.

Chỉ một vài ngày sau khi Microsoft vá lỗi nghiêm trọng trong phần mềm xử lí file đồ họa, một hacker tự xưng là “cocoruder” đã công bố chi tiết về hai vấn đề tương tự trong hệ điều hành.

Bài làm:

Chỉ một vài ngày sau khi Microsoft vá lỗi nghiêm trọng trong phần mềm xử lí **tệp tin** đồ họa, một **kẻ đột nhập trái phép vào hệ thống máy tính** tự xưng là “cocoruder” đã công bố chi tiết về hai vấn đề tương tự trong hệ điều hành.

❁ Nếu thay từ “hacker” bằng từ “tin tặc” thì cũng tạm chấp nhận được.

Bài 1 trang 44, 45: Chọn câu văn trong sáng trong những câu văn sau và phân tích sự trong sáng đó.

a) *Muốn xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn, đòi hỏi chúng ta phải có những kế hoạch cụ thể.*

b) *Muốn xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn, chúng ta phải có những kế hoạch cụ thể.*

c) *Việc xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn đòi hỏi chúng ta phải có những kế hoạch cụ thể.*

d) *Chúng ta phải có những kế hoạch cụ thể để xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn.*

Bài làm:

❁ Các câu **b, c, d** là những câu trong sáng vì chúng thể hiện rõ các thành phần ngữ pháp và các quan hệ ý nghĩa trong câu. Cụ thể:

b) Muốn xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn, chúng ta / phải có những kế hoạch cụ thể.

Trạng ngữ

CN

VN

c) Việc xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn / đòi hỏi chúng ta phải có những kế hoạch cụ thể.

CN

VN

d) Chúng ta / phải có những kế hoạch cụ thể để xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn.

CN

VN

Trạng ngữ

❁ Câu a nhầm lẫn giữa trạng ngữ (*Muốn xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn*) với chủ ngữ của động từ “*đòi hỏi*”.

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 12 – TUẦN 1 – 2 (HỌC KÌ 1)

Bài 2 trang 45: Hãy đọc lời quảng cáo sau đây và cho biết từ nước ngoài nào không cần thiết sử dụng vì đã có từ trong tiếng Việt có ý nghĩa và sắc thái biểu cảm thích hợp với nội dung cần biểu đạt.

Bạn chờ đợi gì trong ngày lễ Tình nhân – một ngày hạnh phúc của những đôi lứa yêu nhau và luôn mong muốn mang đến cho nhau những gì ngọt ngào nhất?

Ca sĩ Quang Vinh, chàng “hoàng tử sơn ca” tiết lộ: “Tôi là con người dễ thương và lãng mạn, hiện tại tôi cũng yêu như thế”. Vậy lãng mạn trong ngày Valentine của chàng hoàng tử này sẽ như thế nào?

Còn nàng Bảo Thy – “công chúa bong bóng” vẫn luôn mơ về một chàng “bạch mã hoàng tử”, vậy nàng mong chờ chàng hoàng tử của mình sẽ ra sao trong ngày Tình yêu?

Bài làm:

Trong lời quảng cáo dùng tới ba hình thức biểu hiện cùng một nội dung: “*ngày lễ Tình nhân*”, “*ngày Valentine*”, “*ngày Tình yêu*”. Tiếng Việt có từ ngữ biểu thị thỏa đáng là “*ngày Tình yêu*” (vừa có ý nghĩa cơ bản tương ứng với từ “*Valentine*”, vừa có sắc thái biểu cảm ý nhị, dễ cảm nhận và dễ lĩnh hội đối với người Việt Nam). Do đó, không nên dùng từ ngữ tiếng nước ngoài là “*Valentine*”.

Còn cụm từ “*ngày lễ Tình nhân*” thì có từ Hán Việt “*Tình nhân*” không có sắc thái ý nhị bằng từ “*Tình yêu*”.